

DẤU ẤN TÔN GIÁO TRONG KIẾN TRÚC VÀ ĐIÊU KHẮC CỦA NGHỆ THUẬT CỔ ĐIỂN ĐÔNG NAM Á (THẾ KỶ I – THẾ KỶ XIII)

RELIGIOUS LANDMARK IN ARCHITECTURE AND SCULPTURE OF SOUTHEAST ASIAN CLASSICAL ART

NGUYỄN ĐỨC QUÂN^(*)

TÓM TẮT: Trong quá trình giao thoa văn hóa giữa văn hóa bản địa và văn hóa Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã kết hợp để sáng tạo cho dân tộc mình những yếu tố văn hóa độc đáo không thể so sánh với bất kỳ dân tộc nào khác. Trong những thành tựu văn hóa đặc sắc đó, nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á nổi bật lên không chỉ là minh chứng cho sự giao lưu văn hóa mà còn bởi sự sáng tạo đa dạng, phong phú mang đầy màu sắc bản địa. Tôn giáo là nguồn cảm hứng chính của nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á và nghệ thuật cổ điển ở Đông Nam Á là sự thể hiện, mang đậm dấu ấn thế giới tâm linh phong phú đó. Tôn giáo và nghệ thuật kết hợp, bổ sung cho nhau góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của từng dân tộc trong khu vực Đông Nam Á.

Từ khóa: Ấn Độ; Đông Nam Á; tôn giáo; nghệ thuật cổ điển; kiến trúc; điêu khắc.

ABSTRACT: In the process of blending local culture and Indian culture, Southeast Asian people have combined to create unique artistic features, unlike any other people. Among these unique cultural achievements, Southeast Asian classical art stands out not only as a testament of cultural exchange, but also by its diverse creativity and colorful indigenous features. Religion was the main source of inspiration for Southeast Asian classical art and classical art in Southeast Asia was an expression, containing the rich spiritual world. Religion and art combined, complemented each other to contribute to the cultural identity of each ethnic group in Southeast Asia.

Key words: India; Southeast Asia; religion; classical art; architecture; sculpture.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thế kỷ đầu Công nguyên, những làn sóng văn hóa từ bên ngoài đã tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến khu vực Đông Nam Á, đặc biệt, văn hóa Ấn Độ đã góp phần làm xuất hiện những quốc gia đầu tiên ở khu vực này. Những ảnh hưởng đến từ bên ngoài mang lại những thay đổi quan trọng trên hầu hết các hoạt động đời sống

vật chất, tinh thần, nhưng không thể làm thay đổi được nhiều giá trị văn hóa bản địa, ngược lại những yếu tố văn hóa ngoại nhập đó được tiếp biến và truyền tải bằng những hình thức thể hiện riêng biệt mang đậm tính đặc trưng của dân tộc đã tiếp biến chúng.

Trong số những yếu tố văn hóa được tiếp biến vừa đề cập, tôn giáo đóng vai trò chủ đạo trong việc thể hiện đặc điểm ở các nền nghệ

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, nguyenducquan@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH13-07-2019

thuật cổ điển Đông Nam Á. Có thể nói, nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á là một nền nghệ thuật phục vụ nhu cầu tâm linh của cư dân bản địa. Qua nghệ thuật, cư dân bản địa thể hiện niềm tin tôn giáo mãnh liệt của mình và từ niềm tin đó, cư dân bản địa đã đạt đến sự sáng tạo nghệ thuật vô cùng đặc sắc. Từ cơ sở này, khu vực Đông Nam Á đã sở hữu được một nền văn hóa, nghệ thuật phát triển rực rỡ, độc đáo, khó có nơi nào so sánh được.

2. NỘI DUNG

2.2.1. Giai đoạn sơ kỳ - Phong cách nghệ thuật cổ điển Phù Nam (thế kỷ II - thế kỷ V)

Dòng nghệ thuật cổ điển Ấn Độ hóa ở Đông Nam Á xuất hiện sớm nhất trên địa bàn thuộc lãnh thổ Phù Nam cổ. Tuy những di vật hiện tồn không còn nhiều và trong tình trạng hư hỏng nặng (kiến trúc lẫn điêu khắc) nhưng cùng với các hiện vật được công tác khảo cổ phát hiện trong thời gian gần đây và những nghiên cứu mới nhất về vương quốc cổ Phù Nam, chúng ta có thể đưa đến một nhận định chung về nền nghệ thuật Phù Nam. Ban đầu, nghệ thuật Phù Nam mô phỏng những khuôn mẫu nghệ thuật Ấn Độ, sau đó đi dần đến việc thể hiện những mô hình đó qua sự sáng tạo chủ quan mang đậm dấu ấn bản địa của cư dân Phù Nam cổ, bước đầu định hình được một phong cách nghệ thuật nhằm phục vụ nhu cầu tôn giáo (Bàlamôn giáo và Phật giáo) theo quan điểm nhân sinh quan, thế giới quan của cư dân bản địa.

Những hiện vật được tìm thấy ở các di chỉ thuộc văn hóa Phù Nam cho thấy cả Bàlamôn giáo lẫn Phật giáo đều tồn tại và phát triển với nhiều hình thức thể hiện độc đáo, theo những phong cách nghệ thuật Ấn Độ. Ban đầu, Bàlamôn giáo chiếm ưu thế hơn, nhưng về sau, Phật giáo lại giữ vai trò

quan trọng và biến Phù Nam “trở thành một trung tâm Phật giáo ở Đông Nam Á” [6, tr.266].

Hầu hết dấu tích kiến trúc của vương quốc Phù Nam còn lại ngày nay có niên đại vào khoảng thế kỷ V, trong tình trạng hư hại nặng nề, khó có thể tái hiện được nguyên trạng. Ở di chỉ Óc Eo, các nhà nghiên cứu phát hiện được một bệ đài thờ lớn trên đó còn dấu tích nền của hai điện thờ. Cái lớn hơn được bố trí theo trục Đông-Tây, chỉ còn lại một nền lớn bằng gạch. Cái nhỏ hơn được bố trí theo trục Bắc-Nam và có ba tầng. Tầng thấp nhất là một nền gạch, trên là một phòng hình chữ nhật được xây dựng bằng kỹ thuật ghép mộng những phiến đá granite. Trên các đầu cột của gian phòng này còn lưu lại những dấu tích của tay đỡ mái vòm bên trên cửa chính, gồm hai đà ngang bằng đá granite. Cách đó không xa là một cấu trúc di tích kiến trúc bằng gạch với nhiều phòng và một hiên nhà,...

Từ những di chỉ kiến trúc đồ nát còn sót lại vừa đề cập, các nhà nghiên cứu suy đoán chúng tương tự một ngôi đền Ấn Độ, cấu trúc đồ nát còn lại phần nào thể hiện ngọn núi vũ trụ Meru, là nơi linh thiêng của người Ấn Độ. “*Có lẽ còn có gỗ, gạch và vữa xây để tạo thành một cái tháp hình chóp nhằm tạo thành một hình ảnh hoàn hảo về ngọn núi vũ trụ*” [9, tr.23]. Kiến trúc đồ nát này cho thấy Bàlamôn giáo hiện diện từ rất sớm ở Phù Nam trước khi đạo Phật thịnh hành. Theo một số nhà nghiên cứu đánh giá, “*ý tưởng Ấn Độ về ngôi đền như là trung tâm của vũ trụ đã xuất hiện sớm trong thiên niên kỷ thứ nhất tại Phù Nam*” [10, tr.221].

Các nhà khảo cổ còn tìm thấy ít nhất hai pho tượng thuộc phong cách Amaravati ở An Giang. Phong cách Amaravati xuất hiện ở miền Trung Ấn Độ vào khoảng thế

kỷ III đến thế kỷ II TCN. Theo phong cách này, Đức Phật mặc áo cà sa bó thân, vạt áo xếp thành những gợn sóng nhỏ lẫn lẫn, đều, đồng tâm.

Cùng phong cách với những bức tượng Phật được phát hiện ở An Giang là một số tượng Phật nhỏ bằng đồng phát hiện ở miền Nam Thái Lan với những đặc trưng như *“tính khái quát, ước lệ nhưng khỏe, chắc của nghệ thuật Amaravati”* [2, tr.49]. Niên đại của nhóm tượng mang phong cách Amaravati này có niên đại khoảng thế kỷ III - thế kỷ IV. Ngoài ra, ở một số địa điểm khác thuộc địa bàn vương quốc cổ Phù Nam cũng phát hiện được nhiều tượng Phật bằng đá, gỗ, đồng được chế tác theo phong cách, kiểu dáng tượng Phật đứng (Buddhapad), lấy ý tưởng từ hình dáng Đức Phật trên những điện thờ ở hang Ajanta và được xếp vào phong cách Hậu Gupta (thế kỷ IV - thế kỷ V).

2.2. Giai đoạn chuyển tiếp - Phong cách Tiền Angkor và Phong cách Trung Java (thế kỷ VI - thế kỷ IX)

2.1.1. Phong cách Tiền Angkor (thế kỷ VI - đầu thế kỷ IX)

Thuật ngữ Tiền Angkor là khái niệm do các nhà nghiên cứu nghệ thuật đưa ra với ý nghĩa là một giai đoạn nghệ thuật có trước Angkor của toàn bộ vùng phía Nam bán đảo Đông Dương. Phong cách nghệ thuật Tiền Angkor xuất hiện ở một số nơi với những giai đoạn khác nhau mang tên gọi của những địa điểm kiến trúc chính như Phnom Da, Sambor Prei Kuk, Prei Kmeng, Prasat Andet, Kongpong Preah. Ngày nay, số lượng các công trình kiến trúc và những tác phẩm nghệ thuật của giai đoạn lịch sử này không còn nhiều.

Tiêu biểu cho nền nghệ thuật thời kỳ này là các đà ngang được tạo tác từ đá sa thạch, thể hiện kỹ thuật chạm khắc nổi công phu, cầu kỳ, trang trí phần trên cửa đền, tháp. Đà ngang ở Sambor Prei Kuk thể hiện hình ảnh hai Makara (biểu tượng của thần tình yêu và khát vọng) có người cười, phun ra từ hai miệng mở to là những kết cấu trang trí bằng hoa, lá, râu chuỗi và những chấm lớn được thể hiện bằng ba vòng hoa kết hình ôvan làm nổi bật những hình nhân. Bên dưới, hình tượng trang trí được phun ra từ hai Makara là những chuỗi trang sức.

Cuối thế kỷ VII, đặc trưng bản địa trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc xuất hiện qua các đà ngang ở Prei Kmeng, *“lần đầu tiên thể hiện những đường gợn sóng hình ngọn lửa, hình thức trang trí này trở thành một yếu tố đặc thù của nghệ thuật Khmer, chúng nhô lên mọi nơi khắp các mái hiên và những đường gờ”* [9, tr.26].

Đặc điểm nghệ thuật thời kỳ Tiền Angkor còn được thể hiện thành công ở những pho tượng thần. Ban đầu là các pho tượng Ấn Độ giáo, chế tác chủ yếu bởi đá sa thạch, hình thức thể hiện gần gũi với những pho tượng thần Bàlamôn giáo của những vương quốc cổ khác nhau trong khu vực như Phù Nam, Dvaravati, Sri Vijaya.

Xét về tổng thể, những pho tượng thời kỳ Tiền Angkor thường thể hiện các nam thần và nữ thần theo các điển tích Bàlamôn giáo. Đặc trưng của tượng nam thần là sự hiện hữu của yếu tố bản địa như *“môi dày, có ria mép, cánh mũi to, thân hình vạm vỡ, vai rộng, ngực nổi vòng, tư thế mạnh mẽ dữ dội nhưng vẫn không làm lu mờ tính mềm mại, sống động của hình thể”* [2, tr.88].

Tượng nữ thần được chia làm hai loại, tượng trong những tư thế đứng khác nhau và tượng bán thân. Đặc điểm của các tượng nữ thần là “*đều có khuôn mặt trái xoan hoặc tròn trĩnh với hàng lông mày cong, đôi mắt hình hạnh nhân xinh xắn và đôi môi mỏng điển cảm, ngoài sự tôn vinh nét đẹp cơ thể người phụ nữ còn pha lẫn với sự gợi tình*” [2, tr.86].

Như vậy, trong thời kỳ đầu xây dựng nhà nước của mình, trong nghệ thuật và tôn giáo, cư dân cổ Cambodia đã lấy Bàlamôn giáo làm chủ đề thể hiện. Và không dừng lại ở việc mô phỏng những mô hình, quy tắc theo truyền thống văn hóa, tôn giáo Ấn Độ, mà từ khá sớm, họ đã sáng tạo, đưa nhiều yếu tố văn hóa đặc trưng bản địa của mình vào nền nghệ thuật tôn giáo và bước đầu định hình được một số giá trị truyền thống riêng của dân tộc, đạt được một số thành tựu nổi bật nhất định trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời kỳ đầu. Đó cũng là truyền thống độc đáo riêng của cư dân Cambodia, tạo tiền đề cho sự phát triển văn hóa dân tộc trong những giai đoạn sau.

2.2.2. Phong cách Trung Java (thế kỷ VIII - thế kỷ IX)

Trước khi văn hóa Ấn Độ xâm nhập vào, ở Indonesia (ngày nay) đã từng tồn tại những nền văn hóa đồ đá, đồ đồng rất đặc sắc. Sự kết hợp giữa truyền thống với những yếu tố văn hóa Ấn Độ, nghệ thuật Indonesia lúc bấy giờ từng bước thăng hoa. Sự hùng mạnh của vương triều Sailendra góp phần làm xuất hiện dòng nghệ thuật đầu tiên ở Indonesia, nghệ thuật Trung Java.

Các đền thờ Ấn Độ giáo ở cao nguyên Dieng (thế kỷ VII hoặc thế kỷ VIII), được xây dựng nhằm hiến dâng cho thần Siva là những công trình kiến trúc cổ xưa nhất trên

đất nước Indonesia, mở đầu cho phong cách nghệ thuật Trung Java. Gần như cùng thời gian này là những công trình kiến trúc Phật giáo, trong đó nổi bật hơn cả là kiến trúc Borobudur (thế kỷ VIII). Hầu hết các đền thờ ở Java đều được gọi là Candi. Candi là những kiến trúc thờ phụng bằng đá nguyên khối, các tầng bậc của kiến trúc được hạ thấp độ cao, cấu trúc của các Candi gần gũi với loại hình đền thờ đơn theo khuôn mẫu Ấn Độ (một tháp nhọn và một mái cổng), đảm bảo các yếu tố của hình ảnh thu nhỏ của núi vũ trụ Meru. Candi còn được trang trí bởi các vòng tường bên ngoài. Tiêu biểu cho những Candi ở cao nguyên Dieng là Candi Arjuna, Candi Puntadewa.

Những tác phẩm điêu khắc sớm ở giai đoạn đầu thời kỳ Trung Java xuất hiện đầu tiên ở cao nguyên Dieng và một vài nơi khác, chủ đề thể hiện thường là những vị thần Ấn Độ giáo. Trong số những pho tượng còn lại khá nguyên vẹn là pho tượng thần Siva ngồi trên đài sen vuông được thể hiện theo truyền thống Ấn Độ. Nhưng chính ở bức tượng này, đặc trưng của điêu khắc Trung Java được thể hiện với những đặc điểm “*khuôn mặt dịu dàng hình ôvan, gò má hơi cao, mũi thanh, cặp mắt to*” [2, tr.195].

Từ nửa cuối thế kỷ VIII đến giữa thế kỷ IX, nghệ thuật Trung Java sau một thời gian tìm tòi, thử nghiệm, đột phá đã thăng hoa rực rỡ. Các vị vua của vương triều Sailendra xây dựng nhiều đền tháp tập trung ở đồng bằng Kedu, điển hình nhất thời kỳ này là đại Stupa Borobudur.

Borobudur (Đức Phật tôn kính) được đánh giá “*là một trong những công trình kiến trúc vĩ đại do con người từng kiến tạo nên*” [9, tr.227]. Kiến trúc này được xây

dựng vào cuối thế kỷ VIII đầu thế kỷ IX dưới thời vương triều Sailendra. Tuy gọi là Stupa nhưng Stupa Borobudur không thờ thánh tích Phật như truyền thống, mà ở đây, phổ biến nhất là những Stupa trở hình mặt cáo cùng những pho tượng Phật ngồi trong tư thế thuyết pháp. Kiến trúc đồ sộ này có khoảng “800 ngôi tháp hoặc cơ sở tưởng niệm, không cái nào giống cái nào cả về kích cỡ lẫn kiểu thức trang trí” [10, tr.256].

Những phù điêu chạm khắc nổi ở Borobudur tập trung chủ yếu ở tầng nền và bốn tầng bậc hình vuông. Hình thức thể hiện phù điêu ở đây rất quyến rũ nhưng trang nghiêm, lặng lẽ, mang dấu ấn của phong cách cổ điển Ấn Độ, các phù điêu trên tường tiếp nối nhau tạo thành một bức tranh chạm khắc nổi hoành tráng, sinh động về cuộc đời Đức Phật từ lúc sinh thành cho đến khi đắc đạo.

Nghệ thuật Trung Java không chỉ nổi tiếng với kiến trúc Borobudur. Vào thế kỷ X, vương quốc Mataram thiết lập quyền cai trị lên toàn bộ vùng Trung Java. Các công trình kiến trúc nhằm phục vụ nhu cầu tôn giáo tiếp tục được xây dựng. Tuy nhiên, niềm tin tôn giáo lúc này đã có sự thay đổi, thay thế cho Phật giáo là Ấn Độ giáo. Một trong số các công trình kiến trúc tiêu biểu cho giai đoạn lịch sử này là kiến trúc mang đậm dấu ấn của Ấn Độ giáo - Loro Gionggrang.

Loro Gionggrang là một tổng thể kiến trúc bao gồm hàng trăm ngôi đền lớn, nhỏ tọa lạc trên ba khu đất hình vuông, tượng trưng cho ba thế giới (thế giới của những người trần tục, của các đạo sĩ và của thần linh). Nổi bật trong đó, ba đền thờ ở trung tâm, tôn thờ ba vị thần quan trọng nhất của Ấn Độ giáo là Brahma, Visnu và Siva.

Theo các nhà nghiên cứu, “*đường như cư dân Java cổ không có sự phân biệt rõ ràng trong việc thờ ba vị thần này và không có vị thần nào quan trọng hơn vị thần nào*” [3, tr.57].

Tương tự Borobudur, chính phù điêu trang trí góp phần mang lại giá trị lớn lao cho Loro Gionggrang. Phù điêu ở đây mang đậm màu sắc Ấn Độ giáo, lấy sử thi Ramayana làm đề tài thể hiện, 43 phù điêu ở đền thờ Siva và 30 phù điêu ở đền thờ Brahma mô tả những sự kiện cốt yếu của bộ sử thi này.

Nhìn chung, phù điêu trang trí của nghệ thuật Trung Java qua hai tổng thể kiến trúc lớn Borobudur và Loro Gionggrang có vẻ đẹp tràn đầy sức sống, mang lại cho người chiêm ngưỡng cảm giác về sự hiện hữu của chủ đề tôn giáo và nghệ thuật cổ điển Ấn Độ ở đảo Java. Đây cũng là một đặc điểm nổi bật của nghệ thuật Trung Java.

2.3. Giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á - Champa, Angkor, Pagan (thế kỷ IX – thế kỷ XIII)

2.3.1. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Champa (thế kỷ IX – thế kỷ XIII)

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử, “*từ khi mới lập quốc, người Chăm đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ một cách sâu đậm. Họ theo phong tục, tôn giáo, pháp luật, tư tưởng, chính trị Ấn Độ*” [5, tr.19]. Champa một vương quốc Ấn Độ hóa, tôn giáo giữ vai trò chủ đạo, chi phối mọi hoạt động đời sống xã hội. Nhưng với dân tộc Chăm, văn hóa nghệ thuật phục vụ nhu cầu tâm linh được thể hiện mang đậm dấu ấn bản địa mặc dù chủ đề, nội dung tôn giáo du nhập từ Ấn Độ.

Nền nghệ thuật của vương quốc cổ Champa tồn tại nhiều phong cách nghệ thuật với những đặc trưng riêng biệt. Giai đoạn trước thế kỷ IX là sự tiếp thu, mô phỏng nghệ thuật Ấn Độ. Giai đoạn kế tiếp là phong cách Mỹ Sơn E1, phong cách Hòa Lai và phong cách Đồng Dương (thế kỷ IX), sang thế kỷ X nổi lên phong cách Mỹ Sơn A1 và sau cùng là phong cách Bình Định (thế kỷ XI - XIII). Các hình thức nghệ thuật (kiến trúc và điêu khắc) ở Champa thường song hành với các chủ đề tôn giáo. Mỗi quan hệ tương tác này hòa quyện với nhau tạo nên một thể thống nhất không tách rời và kết quả của quá trình này là sự ra đời những kỳ quan nghệ thuật độc đáo không thể tìm thấy cái thứ hai hoặc để so sánh ở bất cứ nơi đâu, kể cả Ấn Độ.

Các tượng Visnu, tượng Phật thuộc phong cách Hòa Lai được thể hiện đa dạng và mang hơi hướng ảnh hưởng từ các vùng khác nhau trong khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, trong thời kỳ này, Phật giáo Đại Thừa được truyền bá vào vương quốc Champa từ các quốc gia vùng hải đảo. Ở phong cách Đồng Dương, đặc điểm nhân chủng của cư dân bản địa cũng được thể hiện rõ nét qua những hình nhân và thậm chí lan sang cả tượng Phật, góp phần tạo cho phong cách Đồng Dương những đặc trưng độc đáo, kỳ lạ nhất trong nền nghệ thuật Chăm,...

Nền nghệ thuật Chăm ngoài mục đích phục vụ tôn giáo còn có chức năng phục vụ nhà vua, vị thần chủ duy nhất được xây dựng đền tháp thờ. Vì thế, các tháp thờ thường gắn liền với vương triều của một vị vua, thể hiện sự thần thánh hóa các vị vua sau khi băng hà. Một đặc trưng khác trong nghệ thuật Chăm là sự thay đổi các phong cách nghệ thuật, chú trọng, nhấn

manh đến sự sáng tạo trong điêu khắc, trang trí hơn là sự sáng tạo trong kiến trúc. Do đó, trong nghệ thuật cổ điển Champa, nét chủ đạo nghệ thuật rõ ràng là lĩnh vực điêu khắc. Tuy vậy, kiến trúc tháp Chăm, một loại hình kiến trúc vô cùng độc đáo của nhân loại, kỹ thuật xây dựng tháp Chăm cho đến nay vẫn còn là những ẩn số chưa được giải đáp thỏa đáng.

Người Chăm gọi những ngôi tháp gạch của họ là Kalan. Hầu hết các Kalan hiện tồn đều có tính chất đền thờ lẫn tính lăng mộ của các vua chúa. Nghệ thuật kiến trúc Chăm trong thời gian này trải qua các phong cách nghệ thuật với đặc trưng khác nhau: phong cách Mỹ Sơn E1, phong cách Hòa Lai, phong cách Đồng Dương, phong cách Mỹ Sơn A1, phong cách Bình Định. Nhưng nhìn chung, *“cả kiến trúc lẫn điêu khắc Champa đã đạt đến sự thể hiện hoàn hảo trong lịch sử nghệ thuật cổ điển của dân tộc họ”* [8, tr.41].

2.3.2. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc cổ điển Angkor (giữa thế kỷ IX - thế kỷ XII)

Đầu thế kỷ IX, vương quốc Cambodia bước vào một giai đoạn lịch sử huy hoàng và phát triển thịnh vượng nhất của dân tộc - thời kỳ Angkor (802 - 1432). Chính vì vậy, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc gắn với tôn giáo ở vương quốc này cũng bước vào giai đoạn vô cùng rực rỡ.

Kiến trúc thời kỳ đầu giai đoạn cổ điển Angkor là sự tìm tòi thay đổi về mặt chất liệu xây dựng, quy mô to lớn, mặt bằng kiến trúc phức tạp hơn những giai đoạn trước kia. Các ngôi đền tháp vẫn là hiện thân vật chất hóa ngọn núi thiêng Meru theo truyền thống kiến trúc tôn giáo Ấn Độ, nhưng đối với các vị vua Cambodia đương thời, ngoài những ý nghĩa mang tính truyền

thông tôn giáo Ấn Độ, đền tháp còn mang một ý nghĩa mới, là nơi trú ngụ linh hồn của các vị Thần - Vua của vương quốc khi sống và chức năng lăng mộ khi nhà vua băng hà. Các vị vua Cambodia coi mình là hiện thân của thần linh, nên khi còn sống, mỗi vị đều xây dựng cho mình một ngôi đền - núi và quan niệm rằng, khi chết sẽ trở thành vị thần nhập vào ngôi đền núi mà họ đã xây.

Do vậy, những kiến trúc mang chức năng tôn giáo được gia tăng về kích thước lẫn kỹ thuật trang trí, chạm khắc với mong muốn thể hiện đầy đủ nhất ý nghĩa, chức năng của ngôi tháp thờ Vua - Thần theo quan niệm của dân tộc. Đặc trưng của một ngôi đền tháp thờ Vua - Thần ở Cambodia là ngôi đền tọa lạc trên một quả núi tự nhiên hoặc những nền tảng cao hình khối nhỏ dần khi lên cao, trên đỉnh thường có năm tháp tượng trưng cho năm đỉnh của ngọn núi vũ trụ Meru, lục địa và đại dương vũ trụ quanh núi Meru được thể hiện bằng những hào nước và những lớp tường hoặc hành lang. Để liên kết thế giới trần tục và thế giới thiêng liêng, các nghệ nhân Khmer cổ tạo tác những chiếc cầu đá (tượng trưng cho cầu vòng), lan can hình rắn Naga bắc qua những hào nước.

Như vậy, đặc điểm, hình thức thể hiện một ngôi đền Khmer tiêu biểu thời Angkor cổ điển là một tổng thể kiến trúc mang nội dung, ý nghĩa thể hiện niềm tin tôn giáo rất rõ nét của cư dân Khmer. Nhưng điểm đáng lưu ý chính là sự sáng tạo, ra đời về mặt kiến trúc (ngôi đền - núi) cũng như tôn giáo (Thần - Vua) của dân tộc Khmer trong thời kỳ lịch sử này.

Vua Jayavarman II (802 - 850), đề khẳng định quyền lực và sự tôn kính, sùng tín của vương quốc đối với các vị thần Ấn Độ giáo thiêng liêng đã cho xây dựng nhiều công trình kiến trúc, công trình quan trọng nhất là kinh đô Mahendraparvata trên núi Phnom Kulên gần Angkor.

Đến nửa cuối thế kỷ IX đến thế kỷ XI, nghệ thuật cổ điển Angkor thực sự phát triển rực rỡ với nhiều công trình nghệ thuật kiến trúc độc đáo. Hàng loạt các công trình kiến trúc tiêu biểu như Preah Ko, Bakong, Bakheng, Phnom Krom, Kravan, Pre Rup, Banteay Srei ra đời.

Đầu thế kỷ XII, Cambodia bước vào một trong những giai đoạn hùng mạnh nhất của lịch sử. Hàng loạt các công trình kiến trúc được xây dựng, nổi tiếng nhất là ngôi đền - núi Angkor Wat. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời kỳ này được định danh theo tên gọi của ngôi đền này. Đây thực sự là một trong số ít các di tích kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng được biết đến nhiều nhất ở Đông Nam Á.

Angkor Wat được xây dựng vào đầu thế kỷ XII (1113 - 1150) nhằm dâng hiến cho thần Visnu và dành riêng cho chính nhà vua. Xét về mặt cấu trúc, mô hình Angkor Wat vẫn tiếp tục thể hiện những nguyên tắc truyền thống của một ngôi đền - núi, tuy nhiên, kích thước của công trình này được nâng lên một tầm vóc chưa từng có trước đó. Bố cục, ý nghĩa cao siêu của công trình kiến trúc Angkor Wat nhằm minh họa *“phúc lành của thượng giới sau đó chảy cuộn cuộn ra phía bên ngoài, xuất phát từ ngôi đền là trung tâm của vũ trụ hoặc là thế giới của các thần linh. Nó đi xuyên qua chiếc cổng vòng cung và băng*

qua chiếc cầu có lan can hình con rắn để làm lợi ích cho nhân loại” [10, tr.221-222].

Giá trị nghệ thuật của Angkor Wat là sự hài hòa giữa điêu khắc với kiến trúc. Điêu khắc ở đây không chỉ tô điểm mà còn hòa hợp với từng thành phần và tổng thể chung của kiến trúc. Chỉ riêng các mẫu chạm khắc trên mép hào bao quanh đền dài đến 10 km, hình tượng vũ công có đến hai ngàn phiên bản không trùng lặp. Chủ đề của các phù điêu trang trí điêu khắc ở Angkor Wat từ trái sang phải, bắt đầu từ góc phải mặt tường phía tây với chủ đề lần lượt là chiến trận Kurukshetra, những cảnh từ sử thi Ramayana, quân đội của vua Suryavarman II, thần Yama, sự tích Khuấy Biển Sừng, các phù điêu ghi chép văn tự cổ, chiến thắng của thần Visnu trước những con quỷ, chiến thắng của thần Visnu trong hóa thân Krishna trước quỷ vương Bana, cuộc chiến giữa các vị thần với những con quỷ dữ, chiến trận Lanka,... Tất cả được bố trí hợp lý giúp người xem hiểu được toàn bộ nội dung sử thi. Đây thực sự là một tác phẩm tạo hình lớn nhất của nhân loại.

Cuối thế kỷ XII, Phật giáo Đại thừa chính thức là quốc giáo ở vương quốc Campuchia cổ, thay thế hoàn toàn Ấn Độ giáo. Quần thể kiến trúc Angkor Thom với trung tâm ngôi đền Bayon được xem là đại diện tiêu biểu cho các công trình nghệ thuật cổ điển Campuchia thời kỳ này.

Angkor Thom được xây dựng từ năm 1190 đến năm 1210. Đây là kinh đô cuối cùng của đế quốc Khmer cổ đại. Tuy là một công trình kiến trúc được xây dựng dưới ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Đại thừa nhưng những yếu tố truyền thống văn hoá Ấn Độ trong kiến trúc vẫn

được bảo đảm. Angkor Thom vẫn là một tiêu vũ trụ trên trần thế với cấu trúc được *“chia làm bốn phần trên một trục chính, đền Bayon là trục giữa như là biểu tượng mối liên hệ giữa Trời và Đất, bức tường bao quanh Angkor Thom là biểu hiện của những dãy núi xung quanh núi vũ trụ Meru, những hào nước xung quanh là biểu tượng cho đại dương vũ trụ” [7, tr.82].*

Bayon là một đền tháp ba tầng. Tất cả các bộ phận của kiến trúc đều có những chòm tháp cao thấp khác nhau. Có tất cả 52 tháp nhỏ chạm khắc mặt người nhìn ra bốn hướng với phong cách và khuôn mẫu thể hiện là khuôn mặt Đức Phật (cũng chính là khuôn mặt của vua Jayavarman VII trong hình tượng Bò Tát). *“Khuôn mặt với đôi mắt khép hờ, miệng nở nụ cười khoan dung và bí ẩn, có lúc như mĩa mai trên cọt, có lúc như võ vè, thương cảm,... Tất cả đều được thể hiện một cách sống động và kỳ diệu đến lạ lùng” [3, tr.74].* Ngoài ra, những phù điêu mô tả cảnh chiến trận, những tiên nữ Apsara duyên dáng. Hình thức thể hiện này có thể được xem là một trong số những hình ảnh tượng trưng tiêu biểu, rõ ràng nhất cho sự hợp nhất giữa thế quyền với thần quyền trong chính trị của lịch sử Cambodia cổ đại.

Độc đáo không kém phần kiến trúc, phù điêu trang trí chạm khắc ở Angkor Thom là nghệ thuật tạc tượng với *“hai điểm nổi bật là tính tâm linh và tính chân dung sâu sắc” [2, tr.112].* Đặc điểm này thể hiện rõ quan niệm, tư tưởng tôn giáo dưới triều đại trị vì của vua Jayavarman VII. Những tượng nam trong tư thế đường bệ, cân đối, tĩnh, duy nhất chỉ có khuôn mặt mới được trau chuốt nhằm làm nổi bật ý

nghĩa nội tâm mang dấu ấn triết lý Phật giáo. Có phần trái ngược với các tượng nam, các bức tượng nữ tuy cũng trong tư thế tĩnh nhưng bố cục gầy gò, những đường nét đặc trưng vốn có của nữ giới bị giảm thiểu tối đa trong việc thể hiện. Có thể nhận xét rằng, loại hình nghệ thuật tạc tượng trong giai đoạn này chú tâm đến việc thể hiện những bức tượng có hồn, có nội tâm rõ rệt nhưng mặt khác, đó cũng là những bức tượng thiếu tính sinh động, thiếu sức sống nhất trong lịch sử nghệ thuật cổ điển Campuchia. Nguyên nhân có thể do xuất phát từ sự chi phối của tôn giáo đối với nghệ thuật cũng như mục đích của nghệ thuật theo truyền thống văn hóa Ấn Độ, những nguồn gốc cơ bản của giáo lý Phật giáo.

2.3.3. Phong cách cổ điển Pagan (thế kỷ XI - thế kỷ XIII)

Myanmar là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á có biên giới với Ấn Độ. Trước khi Pagan - vương quốc thống nhất đầu tiên được thành lập trên lãnh thổ Myanmar ngày nay, một số vương quốc cổ đã từng tồn tại trên lãnh thổ của quốc gia này: vương quốc Pyu (thế kỷ III) ở vùng trung lưu sông Irrawaddy, vương quốc của người Môn với kinh đô là Thaton,...

Trong thời kỳ vương quốc Pagan thịnh vượng (1044 - 1287), nền văn hóa dân tộc được hình thành mang đậm dấu ấn Phật giáo, nhiều ngôi chùa tháp được xây dựng. Thế kỷ XII, vương quốc Pagan phát triển về lãnh thổ lẫn kinh tế và văn hóa, xã hội và là trung tâm Phật giáo nổi tiếng ở khu vực Đông Nam Á.

Trong lịch sử nghệ thuật cổ điển Myanmar, Pagan là nơi xuất phát điểm và cũng là nơi đánh dấu sự thành công rực rỡ

nhất và tiêu biểu nhất. Ngay sau khi được thống nhất (năm 1044), đô thị cổ Pagan được quy hoạch lại, ngày nay nơi đây là một địa điểm có mật độ các công trình kiến trúc tôn giáo dày đặc, “khoảng 2230 công trình kiến trúc tôn giáo bao trùm lên diện tích 16 dặm vuông” [11, tr.3-4]. Trong số đó, hầu hết là những công trình kiến trúc Phật giáo Tiểu Thừa, còn lại là “đền *Nathlaung Kyaung* là ngôi đền Ấn Độ giáo duy nhất hiến dâng cho thần *Visnu*. Đền *Payathonzu* và *Abeyadana* có những đặc điểm Phật giáo Đại Thừa” [11, tr.5].

Ở Myanmar có hai loại hình kiến trúc tôn giáo chủ yếu: các tháp (Stupa - Cetiya), và loại kiến trúc chùa (Gu - hang). Ở Myanmar, những ai có điều kiện đều được phép xây dựng chùa làm công đức. Kiến trúc tháp thường to lớn, đồ sộ và quy mô hơn chùa nên chỉ có tầng lớp quý tộc giàu có mới đủ khả năng xây dựng. Kiến trúc chùa nhỏ hơn, thường do cư dân góp tiền, góp công xây dựng.

Chùa tháp ở Myanmar có mô hình gần giống những tháp ở Ấn Độ nhưng chức năng chủ yếu của chùa tháp Myanmar nhằm thể hiện tinh thần Phật giáo. Đó là những biểu tượng Phật giáo cụ thể, rõ ràng, hình thức được xây dựng như ngọn núi đồ sộ, chóp tháp phủ vàng tượng trưng cho năng lượng và sức mạnh của ngọn lửa thiêng. Trong số đó, chùa tháp cao nhất là *Thatbyinnyu* (cao 61m), chùa tháp đẹp nhất ở Pagan là *Ananda*.

Chùa tháp *Ananda* xây dựng vào năm 1090, kiến trúc tiêu biểu của chùa tháp Myanmar. Chùa tháp có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh dài khoảng 80m, độ cao khoảng 52m. Các mái chùa cong nghiêng

mang dấu ấn phong cách Môn và nháp nhô những chóp phụ, viền mái là những hàng tường hình răng cưa, bên dưới là những mảng trang trí tráng men thể hiện các điển tích về tiền kiếp của Đức Phật. Gian thờ chính đặt tượng Phật mạ vàng cao 10m trên một bệ tượng cao 3m. Khuôn mặt Đức Phật thể hiện theo quan niệm Phật giáo như những bức tượng Phật khác, phẳng phất nụ cười đầy ẩn ý, điềm tĩnh, bình thản. Đối diện tượng Phật là những ô cửa sổ, ánh sáng chiếu qua ô cửa soi sáng gương mặt Đức Phật nổi bật lên giữa một không gian mờ ảo của gian thờ. Dưới chân tượng là hai tượng người trong tư thế quỳ. *“Đó là những tác phẩm điêu khắc chân dung duy nhất có thể tìm thấy trong các chùa ở Pagan”* [3, tr.64].

Bên cạnh kiến trúc là những thành phần trang trí, điêu khắc tô điểm thêm cho công trình kiến trúc. Hình thức thể hiện tượng trong nghệ thuật cổ điển Myanmar là tượng Phật với phong cách sao chép những khuôn mẫu cổ xưa, không chú trọng đến việc cải tiến hình mẫu. Ngoài những bức tượng Phật trong các chùa, tháp là những tượng Phật đặt đơn độc ngoài trời. Đây thường là những bức tượng với sự thể hiện đơn giản, kích thước to lớn, nổi bật giữa cảnh quan thiên nhiên.

Nhìn chung, kiến trúc tôn giáo ở Pagan tuy chịu nhiều ảnh hưởng của kiến trúc và tôn giáo Ấn Độ, nhưng cư dân ở đây đã sáng tạo cho dân tộc mình những đặc điểm, sắc thái riêng độc đáo. Đó là trình độ điêu luyện về mặt xây dựng gạch và lớp vữa giã đá trát gạch làm cho công trình kiến trúc tuy được xây bằng gạch nhưng có dáng vóc

như được làm bằng đá. Giá trị nghệ thuật của kiến trúc tôn giáo Myanmar là sự phối hợp đều đặn, nhịp nhàng giữa các yếu tố, các thành phần kiến trúc, tạo được ấn tượng mạnh khi đứng nhìn từ xa. Một đặc điểm mà không có công trình kiến trúc nào khác ở Đông Nam Á đạt được là sự phối hợp màu sắc của kiến trúc (màu trắng của tường, màu vàng của các đỉnh chóp tháp) vừa làm tăng thêm vẻ đẹp của kiến trúc vừa thể hiện được quan niệm tôn giáo.

3. KẾT LUẬN

Nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi nền nghệ thuật truyền thống Ấn Độ, cho nên cũng giống nghệ thuật Ấn Độ, nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á chịu sự chi phối mạnh mẽ của hai tôn giáo lớn trong lịch sử Ấn Độ là Ấn Độ giáo và Phật giáo. Trong khoảng 13 thế kỷ đầu Công nguyên, nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á đã phát triển cả về chiều sâu lẫn bề rộng, với các phong cách nghệ thuật đa dạng và độc đáo.

Các công trình nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc trong nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á thể hiện sự tiến triển của cả hình thức lẫn nội dung tôn giáo (cụ thể ở đây là Ấn Độ giáo và Phật giáo) theo từng thời kỳ lịch sử. Dấu ấn tôn giáo trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á tuy vô cùng đậm nét, nhưng cũng có sự hòa trộn với những yếu tố tín ngưỡng bản địa và cảm hứng nghệ thuật của chủ thể sáng tạo, đóng góp vào kho tàng văn hóa nghệ thuật của nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Văn Doanh (2003), *Thánh địa Mỹ Sơn*, Nxb Trẻ.
- [2] Ngô Văn Doanh, Cao Xuân Phổ, Trần Thị Lý (2000), *Nghệ thuật Đông Nam Á*, Nxb Lao Động.
- [3] Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc (1998), *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, Nxb Giáo dục.
- [4] Trương Sĩ Hùng (Chủ biên, 2003), *Mấy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb Thanh Niên.
- [5] Phan Khoang (1967), *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777 – Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt*, Nxb Sài Gòn.
- [6] Lương Ninh (Chủ biên) (1999), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ - trung đại*, Nxb Giáo dục.
- [7] Dawn F. Rooney (1994), *Angkor an introduction to the temples*, Asia Books.
- [8] Emmanuel Guillon (2001), *Cham Art treasures from the Da Nang museum*, Vietnam, River Books Ltd.
- [9] Philip Rawson (1995), *The Art Of Southeast Asia*, Thames and Hudson.
- [10] Robert E. Fisher (Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Tuấn dịch) (2002), *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo*, Nxb Mỹ thuật.
- [11] SEAMEO Regional Centre for History and Tradition (2001), *Cultural Classics*, University Estate, Yangon, Myanmar.
- [12] Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch (2003), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb Văn hóa Thông tin.

Ngày nhận bài: 20-12-2018. Ngày biên tập xong: 28-12-2018. Duyệt đăng: 21-01-2019